



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Create Capital Việt Nam

Ngày 30/09/2025	9,820 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	2.0%	47.3%

DT thuần Q3/25
97.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.8 -30.6%
YoY: ▼2.80 -2.8%

LN thuần Q3/25
16.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.20 -16.3%
YoY: ▲ 6.51 67.5%

LN sau thuế Q3/25
15.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.90 13.9%
YoY: ▲ 6.33 67.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
22.2%
YoY: +/-▲ 4.8%

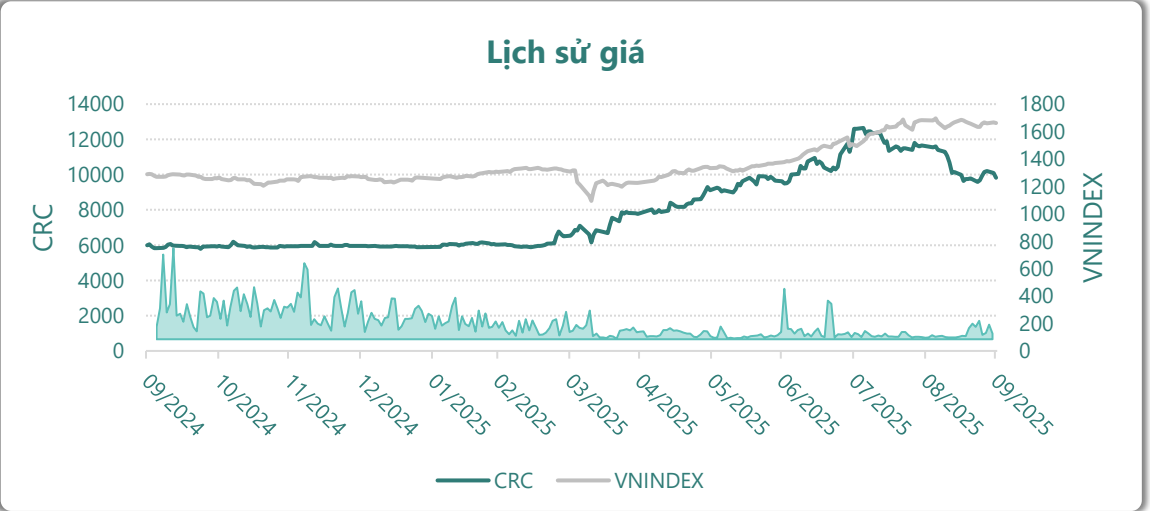
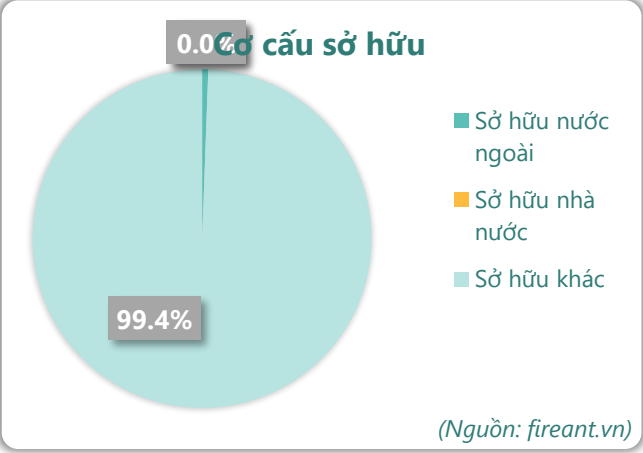
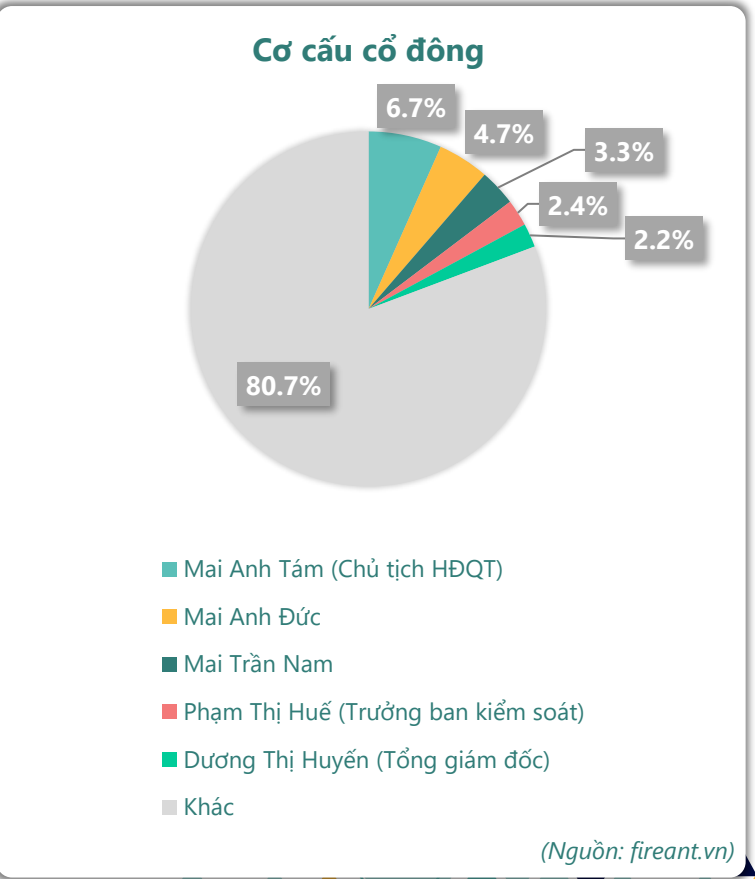
ROE (TTM) Q3/25
6.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,789 - 12,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	672
Số lượng CPLH (CP)	68,399,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,397,623
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.72
EPS	750
P/E	13.1

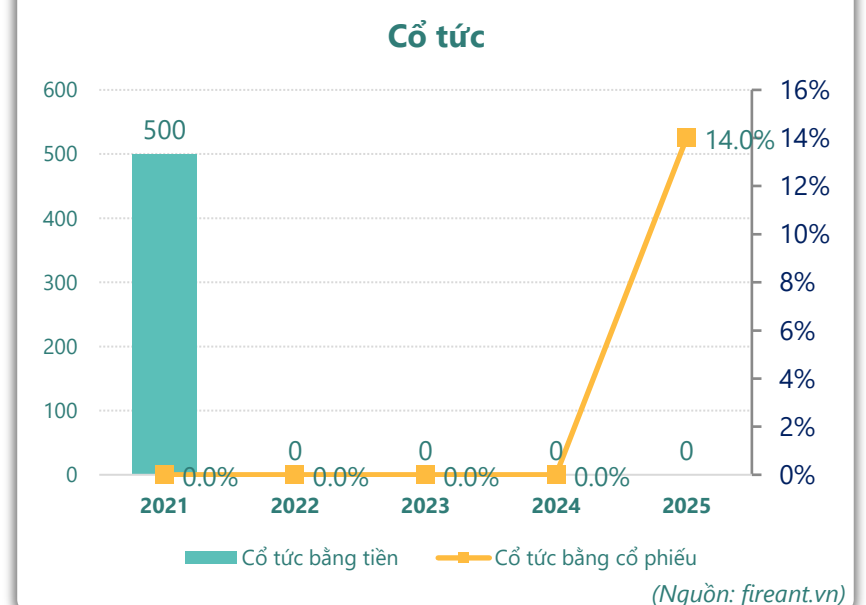
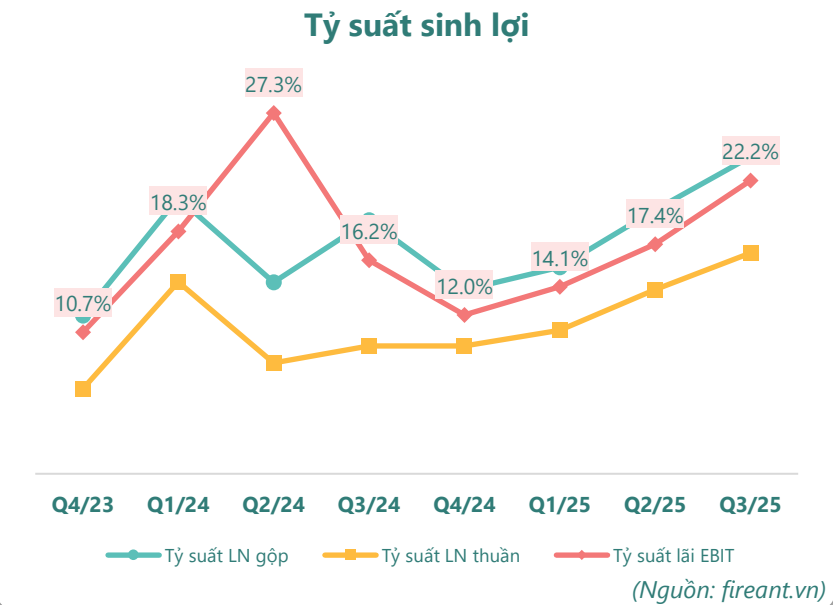
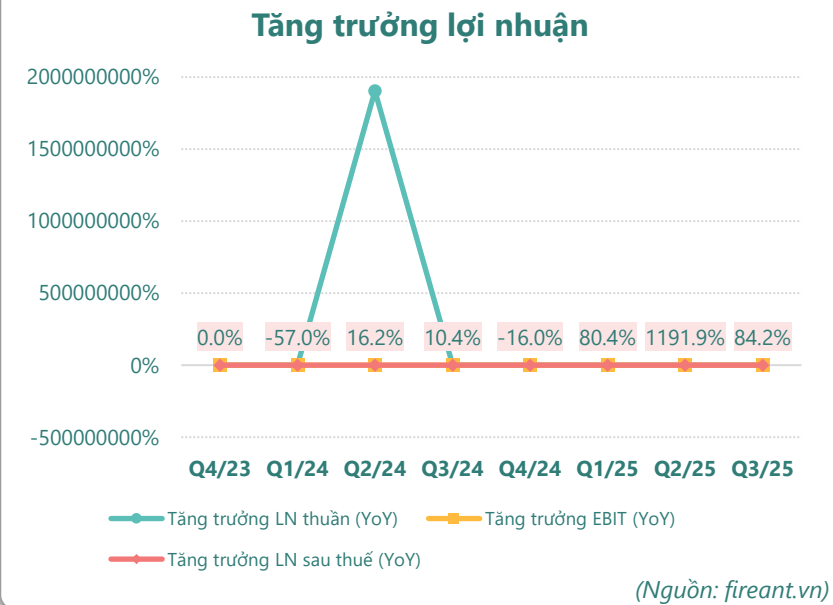
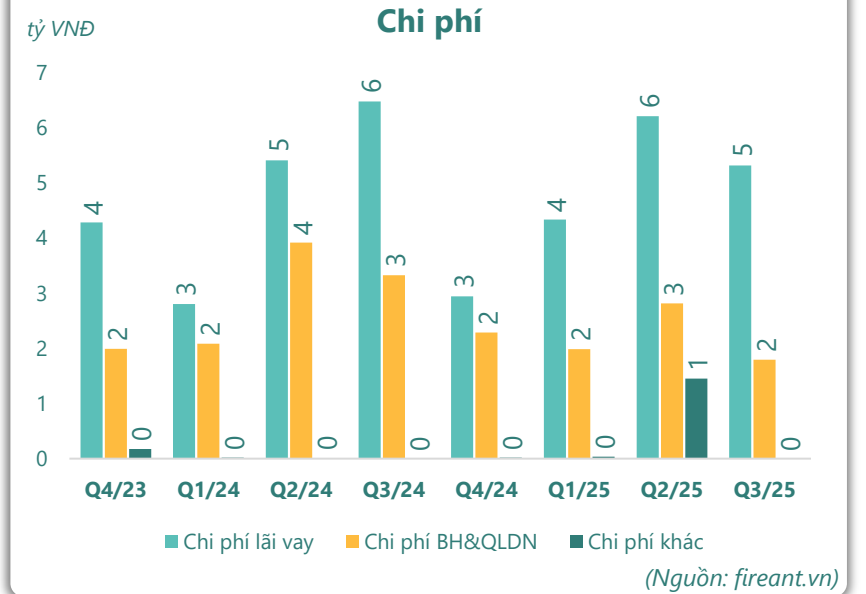
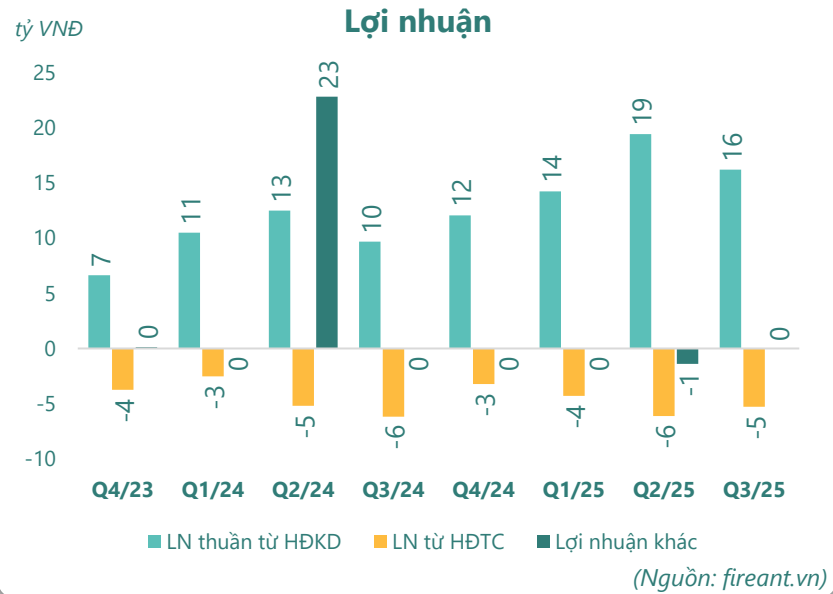
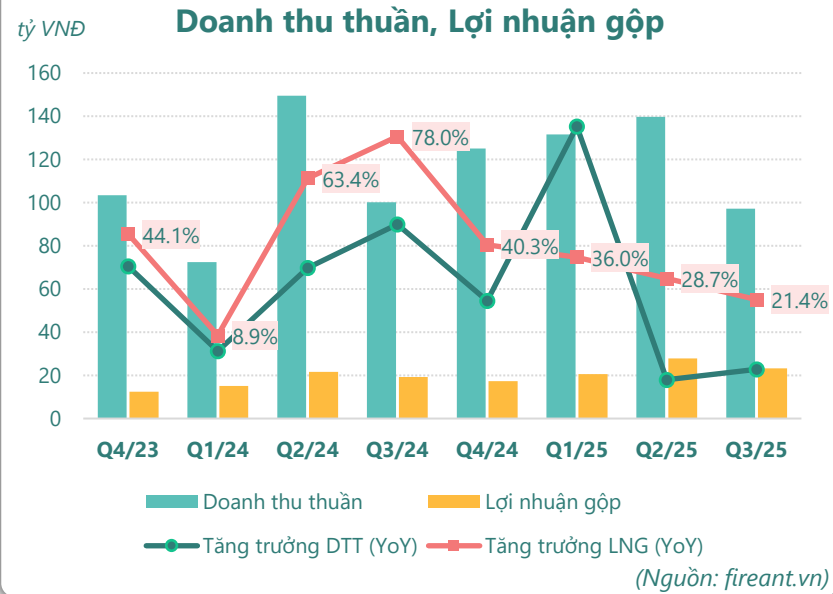
DT thuần 9T 2025
368
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0 14.4%

LN thuần 9T 2025
49.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.2 52.7%

LN sau thuế 9T 2025
43.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.1 -20.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH



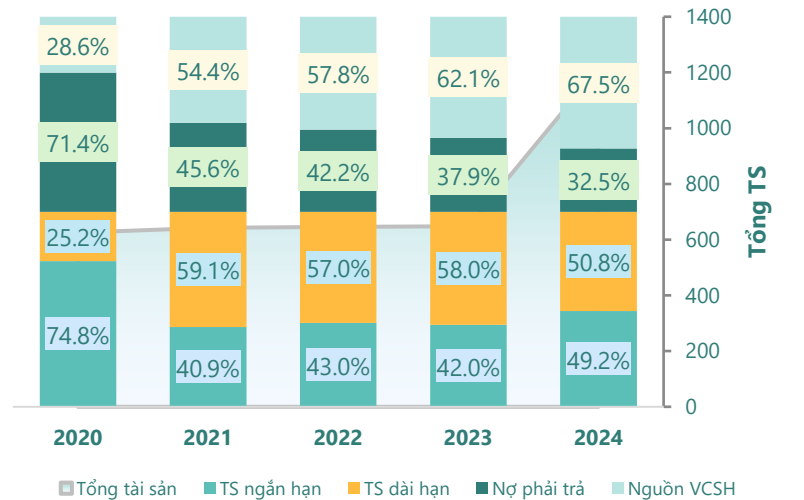


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

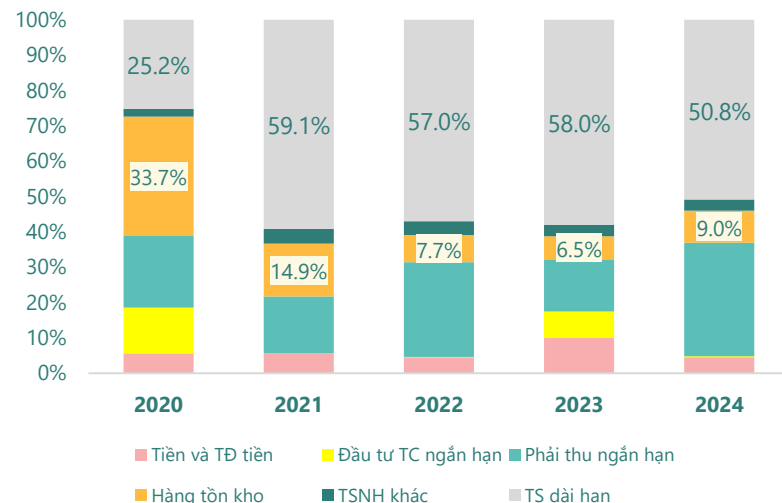
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

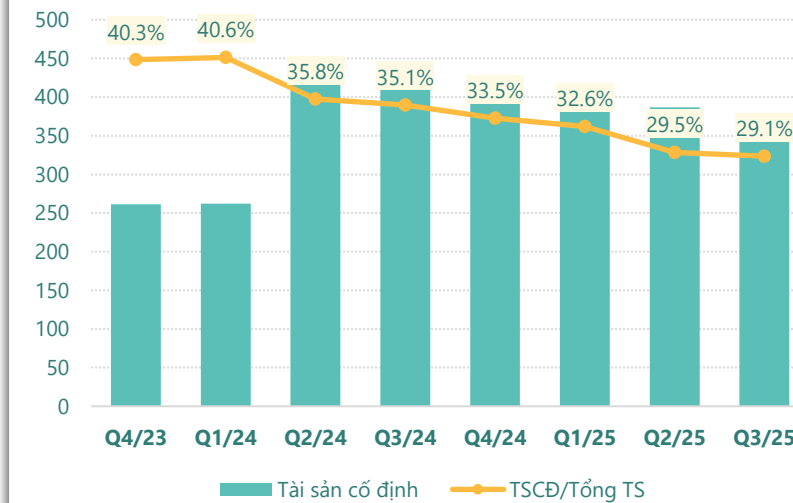
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

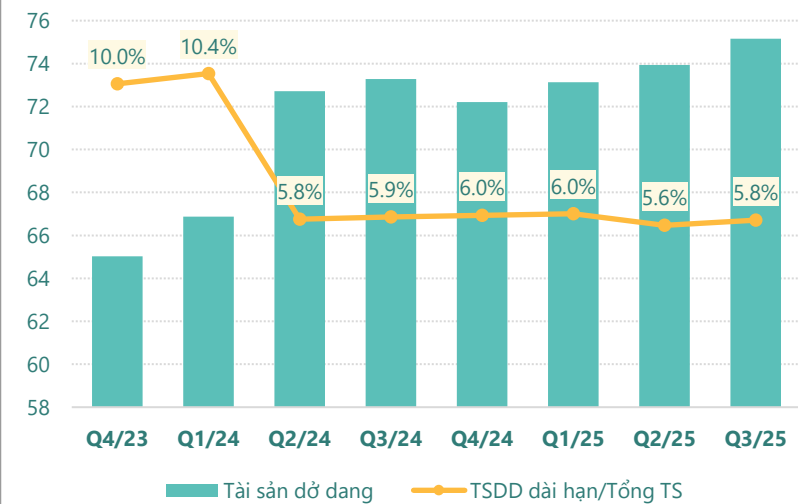
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

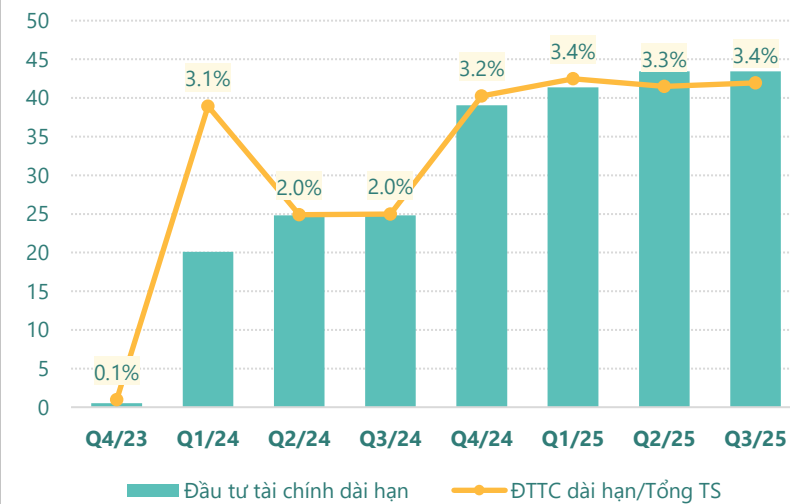
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

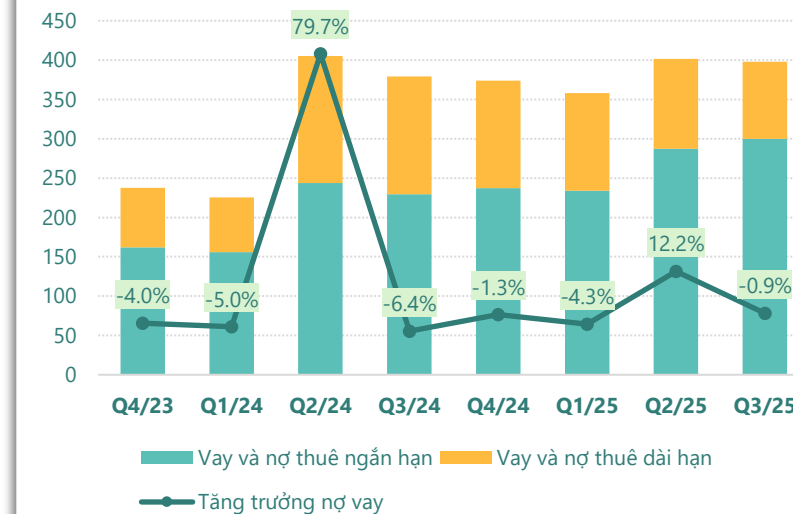
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

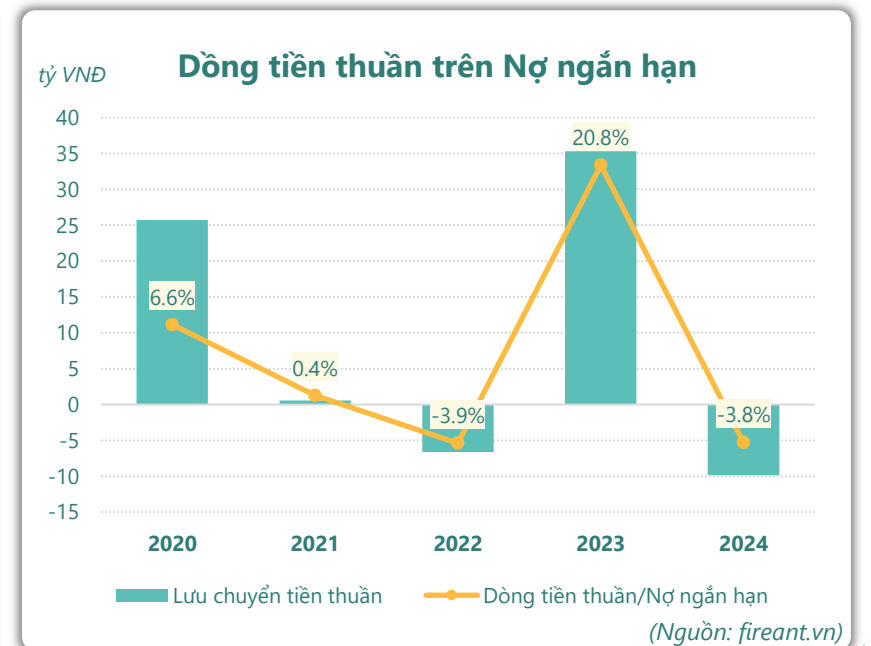
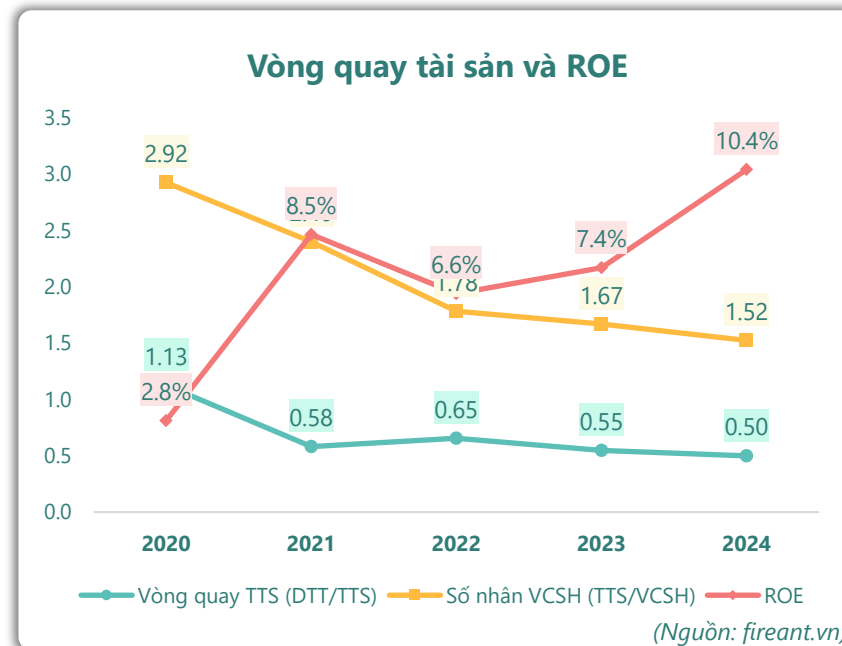
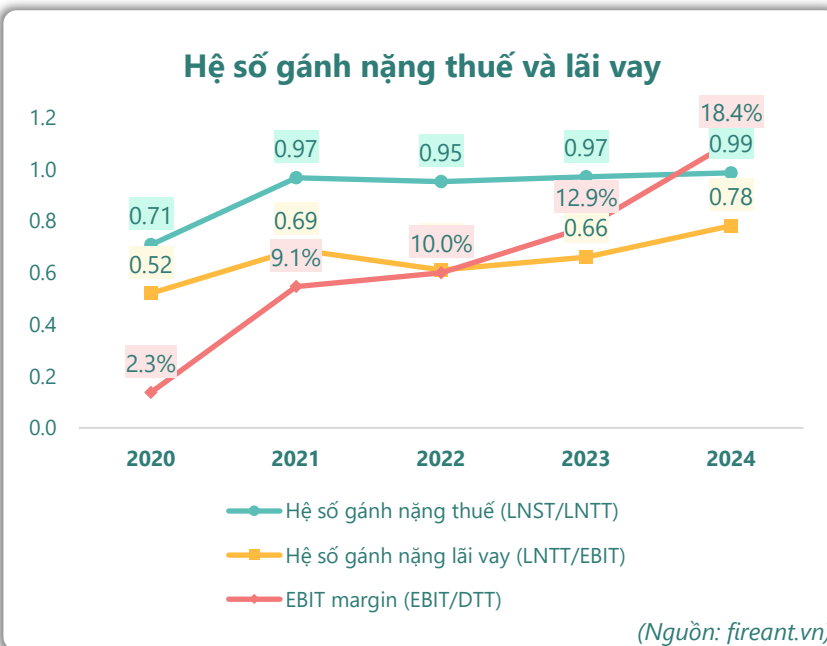
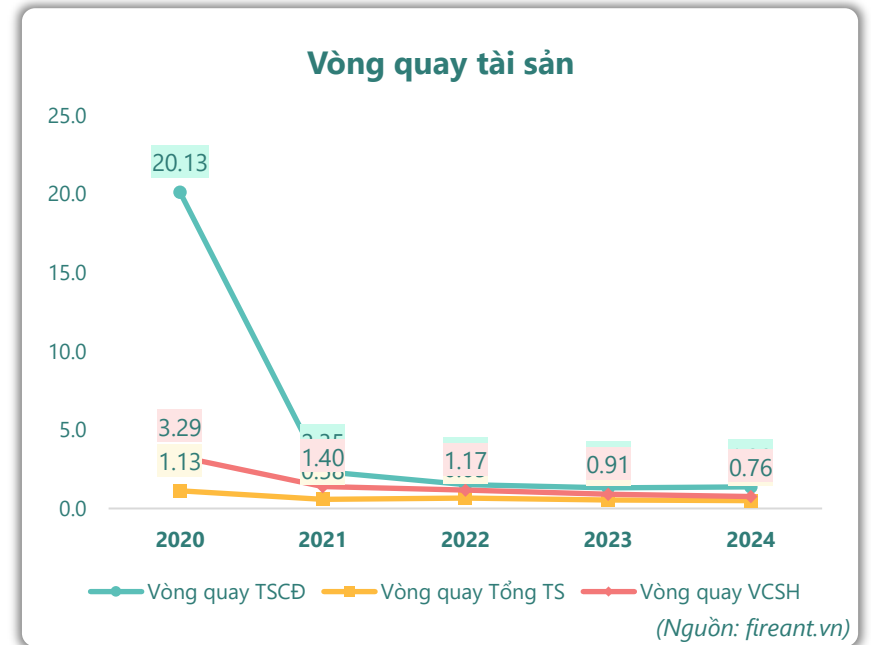
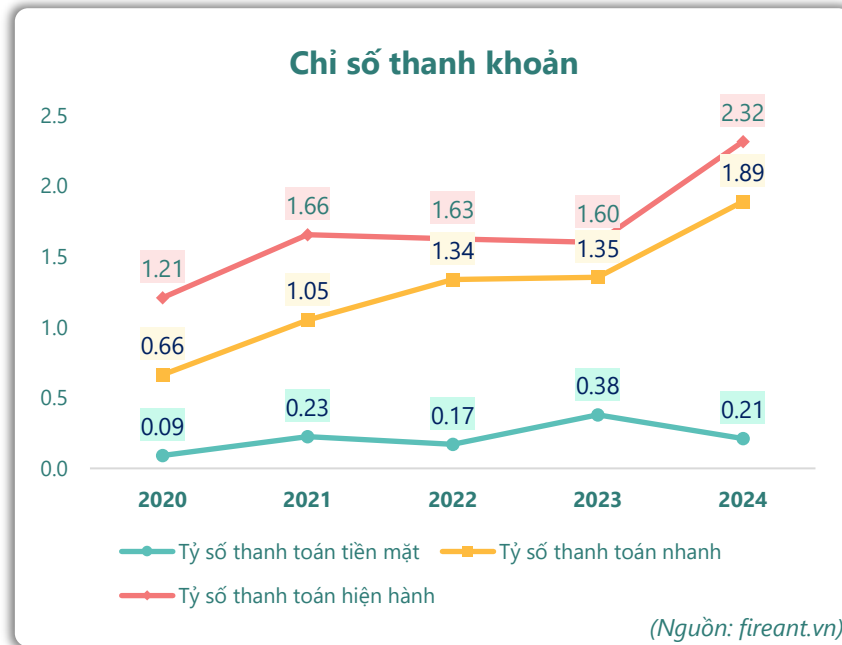
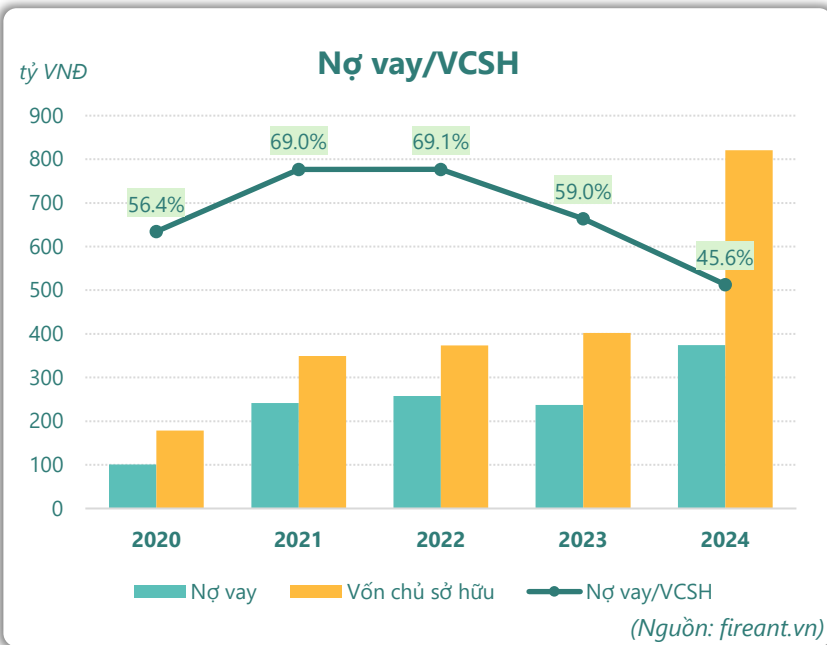
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	97.2	100	-2.8%	368	322	14.4%
Giá vốn hàng bán	73.9	80.9	-8.7%	297	266	11.5%
Lợi nhuận gộp	23.3	19.2	21.4%	71.7	56.0	28.2%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.30	-85.6%	0.16	0.88	-81.4%
Chi phí TC	5.33	6.49	-18.0%	15.9	14.8	7.4%
Chi phí lãi vay	5.33	6.49	-18.0%	15.9	14.7	8.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.53	0	
Chi phí bán hàng	0	0.42	-100%	0.11	1.78	-94.0%
Chi phí QLDN	1.79	2.91	-38.3%	6.49	7.56	-14.2%
LN thuần từ HĐKD	16.2	9.69	67.5%	49.9	32.7	52.7%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-1.41	22.8	-106%
LN trước thuế	16.2	9.68	67.7%	48.5	55.5	-12.6%
Lợi nhuận sau thuế	15.8	9.47	67.1%	43.8	54.9	-20.2%
LNST của CĐ cty mẹ	14.5	8.96	61.8%	40.3	53.5	-24.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.7	48.3	-115	1.45	-40.4	-0.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-282	-9.14	70.5	-9.99	47.5	-17.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	269	-52.8	59.4	-16.1	43.6	-3.67
Tiền đầu kỳ	32.9	47.3	33.6	54.7	30.0	80.7
Lưu chuyển tiền thuần	14.3	-13.7	15.2	-24.7	50.7	-21.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.3	33.6	48.8	30.0	80.7	59.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,295	1,215	6.6%
Tài sản ngắn hạn	704	597	17.8%
Tiền và tương đương tiền	59.4	54.7	8.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.83	3.98	46.4%
Phải thu ngắn hạn	389	390	-0.3%
Hàng tồn kho	214	110	95.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.0	38.9	-7.5%
Tài sản dài hạn	591	618	-4.3%
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	0.0%
Tài sản cố định	377	407	-7.3%
Bất động sản đầu tư	53.0	53.0	0.0%
Tài sản dở dang	75.2	72.8	3.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.5	41.4	5.0%
Tài sản dài hạn khác	0.26	1.47	-82.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	433	394	9.7%
Nợ ngắn hạn	335	258	29.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	300	238	26.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	14.1	21.0%
Nợ dài hạn	98.1	137	-28.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	98.1	136	-28.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	862	820	5.1%
Vốn chủ sở hữu	862	820	5.1%
Vốn điều lệ	684	600	14.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

